

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH LẠNG SƠN

Bản án số: 49/2024/HS-ST
Ngày 30-9-2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Hoàng Thế Khuynh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trịnh Thị Thúy Hà;

Ông Nhữ Phú Thịnh.

- Thư ký phiên tòa: bà Triệu Thị Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: bà Âu Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 47/2024/TLST-HS, ngày 13 tháng 9 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2024/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 9 năm 2024; Thông báo thay đổi thời gian xét xử số: 12/TB-TA ngày 26 tháng 9 năm 2024, đối với các bị cáo:

1. Nông Văn P, sinh ngày 24 tháng 9 năm 1996, tại huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: thôn B, xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Văn M và bà Lường Thị M1; có vợ: Hoàng Thị L (đã ly hôn); con: có 01 con (sinh năm 2018); tiền án, tiền sự: không; nhân thân: chưa bị xét xử hình sự, chưa bị xử lý vi phạm hành chính; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 23/5/2024 đến nay; có mặt.

2. Lâm Văn P1, sinh ngày 07 tháng 5 năm 1980, tại huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: thôn B, xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Nùng; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lâm Văn L1 và bà Vi Thị T; có vợ: Hoàng Thị N; con: 02 con (con lớn sinh năm 2000, con nhỏ sinh năm 2002); tiền án, tiền sự: không; nhân thân: chưa bị xét xử hình sự, chưa bị xử lý vi phạm hành chính; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 23/5/2024 đến nay; có mặt.

3. Lý Văn T1, sinh ngày 13 tháng 12 năm 1994, tại huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: thôn B, xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Nùng; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lý Văn T2 và bà Ngô Thị Đ; có vợ: Triệu Thị M2; con: có 03 con (con lớn sinh năm 2017, con nhỏ sinh năm 2021); tiền án, tiền sự: không; nhân thân: chưa bị xét xử hình sự, chưa bị xử lý vi phạm hành chính; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 23/5/2024 đến nay; có mặt.

4. Hoàng Văn T3, sinh ngày 21 tháng 02 năm 1993, tại huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: thôn N, xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Nùng; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn C và Hoàng Thị B; có vợ: Triệu Thị K; con: có 02 con (con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2018); tiền án, tiền sự: không; nhân thân: chưa bị xét xử hình sự, đã bị xử phạt hành chính Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 935/QĐ-XPVPHC ngày 13/11/2013 của Công an phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn xử phạt số tiền 1.000.000, đồng về hành vi Cố ý gây thương tích; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 23/5/2024 đến nay; có mặt.

5. Lý Văn H, sinh ngày 27 tháng 9 năm 1987, tại huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: thôn B, xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Nùng; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lý Văn K1 (đã chết) và bà Hoàng Thị X; có vợ: Hà Thị D; con: có 02 con (con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2015); tiền án, tiền sự: không; nhân thân: chưa bị xét xử, chưa bị xử lý vi phạm hành chính; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 23/5/2024 đến nay; có mặt.

6. Nông Văn Q, sinh ngày 19 tháng 02 năm 1989, tại huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: thôn N, xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Nùng; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Văn T4 và bà Hoàng Thị N1; có vợ: Hoàng Thị V (đã ly hôn); con: có 02 con (con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2014); tiền án, tiền sự: không; nhân thân: chưa bị xét xử hình sự, đã bị xử phạt hành chính Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 174/QĐ-XPHC ngày 07/11/2011 của Công an huyện C, tỉnh Lạng Sơn xử phạt số tiền 750.000 đồng trong lĩnh vực an ninh trật tự (hành vi cùng đồng bọn đánh nhau); bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 23/5/2024 đến nay; có mặt.

7. Vi Văn Đ1, sinh ngày 26 tháng 01 năm 1987, tại huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: thôn Y, xã Y, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Nùng; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vi Văn S (đã chết) và bà Hoàng Thị T5; có vợ: Hoàng Thị B1; con: có 04 con (con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2022); tiền án, tiền sự: không; nhân thân: chưa bị xét xử, đã bị xử phạt hành chính Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 50/QĐ-XPVPHC ngày 13/5/2016 của

Công an huyện C, tỉnh Lạng Sơn xử phạt số tiền 750.000 đồng về hành vi đánh nhau; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 23/5/2024 đến nay; có mặt.

8. Vi Văn Đ2, sinh ngày 17 tháng 02 năm 1992, tại huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: thôn Y, xã Y, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Nùng; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vi Văn T6 (đã chết) và bà Dương Thị V1; có vợ: Hoàng Thị N2; con: có 03 con (con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2021); tiền án, tiền sự: không; nhân thân: chưa bị xét xử, chưa bị xử lý vi phạm hành chính; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 23/5/2024 đến nay; có mặt.

9. Trần Văn T7, sinh ngày 02 tháng 3 năm 1987, tại huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: thôn N, xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Nùng; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Quốc H1 và bà Hoàng Thị X1; có vợ: Nông Thị H2; con: có 01 con, sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: chưa bị xét xử, đã bị xử phạt hành chính Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 32/QĐ-XPHC ngày 14/4/2014 của Công an huyện C, tỉnh Lạng Sơn xử phạt số tiền 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 05/7/2024 đến nay; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 08/5/2024 Lâm Văn H3, Lý Văn H, Lâm Văn T8, Nông Văn P, Lý Văn T1, Âu Văn T9 ăn cơm, uống rượu tại nhà Lâm Văn P1 tại thôn B, xã V, huyện C. Khoảng 22 giờ cùng ngày, sau khi ăn cơm uống rượu xong Lâm Văn H3 và Âu Văn T9 đi chơi. Lúc này, Nông Văn P nảy sinh ý định đánh bạc nên rủ Lâm Văn P1, Lý Văn T1; Lâm Văn P1 đồng ý rồi lấy chiếu trải xuống nền nhà bếp để đánh bạc. Còn mọi người đang dọn mâm xuống bếp, Nông Văn P nhờ Lâm Văn T8 lấy 01 bát sứ, rồi Nông Văn P lấy 01 đĩa sứ và kéo tại bếp nhà Lâm Văn P1 cắt vỏ bao thuốc lá thành 04 quân vị. Nông Văn P là người cầm cái có Lâm Văn P1, Lý Văn T1 cùng đánh bạc; sau đó có thêm Hoàng Văn T3 và Hoàng Văn G đến rồi Hoàng Văn T3, Lý Văn H lần lượt tham gia đánh bạc, Lâm Văn T8 và Hoàng Văn G ngồi xem. Tiếp đó lần lượt có Trần Văn T7, Nông Văn Q; Vi Văn Đ2, Vi Văn Đ1 đến và Nông Văn Q, Vi Văn Đ2, Vi Văn Đ1 tham gia đánh bạc cùng, Trần Văn T7 ngồi xem. Quá trình đánh bạc Nông Văn P bảo mọi người góp cho Lâm Văn P1 tiền điện, rượu và thu được tổng số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đưa cho Lâm Văn P1. Trong lúc Lý Văn T1 đi vệ sinh, Trần Văn T7 ngồi vào vị trí Lý Văn T1 đánh bạc trước đó xem, sau khi quay lại vị trí Lý Văn T1 đứng sau Trần Văn T7 nhờ Trần Văn T7 cầm tiền đánh hộ Lý Văn T1 ván đánh bạc (trong đó 02 ván đầu đặt cược 20.000 đồng, ván 03 đặt cược 30.000 đồng), rồi Lý Văn T1 tiếp tục đánh bạc cùng mọi người. Khoảng 22

giờ cùng ngày Lâm Văn T8 không xem nữa đi về nhà, Hoàng Văn G tiếp tục ngồi xem. Đến khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày, Lý Văn H đi về nhà tắm, sau đó đến lượt Trần Văn T7 đi về. Khoảng 01 giờ ngày 09/5/2024, Lý Văn H quay lại nhà Lâm Văn P1 và tiếp tục tham gia đánh cùng Nông Văn P, Lâm Văn P1, Lý Văn T1, Hoàng Văn T3, Nông Văn Q, Vi Văn Đ1, Vi Văn Đ2. Đến khoảng 01 giờ 45 phút cùng ngày thì bị Công an huyện C phát hiện bắt giữ. Lợi dụng trời tối, đồng người Lý Văn T1, Vi Văn Đ1, Hoàng Văn G đã bỏ chạy khỏi hiện trường.

Thu giữ trên chiếu bạc số tiền 3.510.000 đồng (ba triệu năm trăm mười nghìn đồng), 01 bát sứ màu trắng, 01 đĩa sứ màu trắng, 03 quân vị hình tròn, 01 chiếu nhựa màu trắng vàng xanh. Thu giữ trên người, gồm: Hoàng Văn T3 1.050.000 đồng (một triệu không trăm năm mươi nghìn đồng); Lý Văn H 1.905.000 đồng (một triệu chín trăm linh năm nghìn đồng). Cùng ngày Lý Văn T1 tự nguyện giao nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Tại Bản kết luận giám định số 650/KL-KTHS ngày 06/6/2024 của Phòng K2, Công an tỉnh L kết luận: toàn bộ số tiền Việt Nam trong 04 phong bì niêm phong gửi giám định đều là tiền thật.

Ngày 09/5/2024 và ngày 13/5/2024 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C tiến hành truy tìm vật chứng là 01 quân vị và 01 chiếc kéo, kết quả: không tìm thấy và không thu giữ được.

Vật chứng thu giữ chưa xử lý được chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện C bảo quản chờ xử lý, gồm: toàn bộ số tiền trong 04 phong bì được niêm phong dán kín sau giám định; 01 bát sứ; 01 đĩa sứ; 03 quân vị hình tròn một mặt vàng, một mặt trắng; 01 chiếu nhựa màu trắng vàng xanh.

Cáo trạng số: 51/CT-VKSCL ngày 12/9/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn đã truy tố các bị cáo Nông Văn P, Lâm Văn P1, Lý Văn T1, Hoàng Văn T3, Lý Văn H, Nông Văn Q, Vi Văn Đ1, Vi Văn Đ2, Trần Văn T7 về tội Đánh bạc theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo Nông Văn P, Lâm Văn P1, Lý Văn T1, Hoàng Văn T3, Lý Văn H, Nông Văn Q, Vi Văn Đ1, Vi Văn Đ2, Trần Văn T7 xác nhận bị truy tố về tội Đánh bạc là đúng, không oan.

Kiểm sát viên giữ nguyên nội dung Cáo trạng truy tố, sau khi phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án, đánh giá tính chất, mức độ của hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện, đánh giá về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố các bị cáo Nông Văn P, Lâm Văn P1, Lý Văn T1, Hoàng Văn T3, Lý Văn H, Nông Văn Q, Vi Văn Đ1, Vi Văn Đ2, Trần Văn T7 phạm tội Đánh bạc.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, Điều 17, 50, 58 Bộ luật Hình sự đối với Nông Văn P, xử phạt 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù.

Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, 50, 58, 65 Bộ luật Hình sự đối với Lâm Văn P1, Lý Văn H xử phạt từ 09

tháng đến 01 năm tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách. Hình phạt bổ sung từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 50, Điều 58, 65 Bộ luật Hình sự đối với Lý Văn T1, Hoàng Văn T3 xử phạt từ 09 tháng đến 01 năm tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 50, Điều 58, 65 Bộ luật Hình sự đối với Vi Văn Đ2 xử phạt từ 08 tháng đến 10 tháng tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách.

Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, 50, 58, 65 Bộ luật Hình sự đối với Vi Văn Đ1 xử phạt từ 06 tháng đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách. Hình phạt bổ sung từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, 50, 58, 65 Bộ luật Hình sự đối với Nông Văn Q xử phạt từ 06 tháng đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 50, Điều 58, Điều 36 Bộ luật Hình sự đối với Trần Văn T7 xử phạt từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự. Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 5.860.000 đồng

Tịch thu, tiêu huỷ các công cụ dùng vào việc đánh bạc.

Trả lại số tiền không liên quan đến tội phạm.

Các bị cáo Nông Văn P và Lâm Văn P1 có ý kiến tranh luận, cho rằng đề nghị của Kiểm sát viên về mức án là cao, các bị cáo đề nghị giảm hình phạt và cho hưởng án treo.

Bị cáo Lý Văn H trình bày về quá trình công tác có thành tích được tặng giấy khen, bị cáo có nguyện vọng tiếp tục tham gia công tác xã hội nên có nguyện vọng được áp dụng hình thức phạt tiền là hình phạt chính, bị cáo hứa sẽ chấp hành tốt chính sách, pháp luật.

Kiểm sát viên không chấp nhận các ý kiến tranh luận của các bị cáo và giữ nguyên quan điểm đề nghị.

Trong lời nói sau cùng các bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục

quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với Biên bản sự việc do Công an huyện C, tỉnh Lạng Sơn lập ngày 09/5/2024 và các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Các chứng cứ đó phù hợp với nhau về thời gian, địa điểm, hành vi, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định, cụ thể: Hồi 01 giờ 45 phút ngày 09 tháng 5 năm 2024, tại bếp nhà Lâm Văn P1 thuộc thôn Bản Thí, xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Các bị cáo Nông Văn P, Lâm Văn P1, Lý Văn T1, Lý Văn H, Hoàng Văn T3, Nông Văn Q, Vi Văn Đ1, Vi Văn Đ2, Trần Văn T7 đã có hành vi đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa thắng thua bằng tiền, tổng số tiền dùng để đánh bạc là 5.860.000 đồng (năm triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng).

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trật tự công cộng, gây mất an ninh, trật tự của địa phương, gây bất bình trong dư luận xã hội. Các bị cáo là người có thể chất phát triển bình thường, có đầy đủ năng lực hành vi, năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa với mục đích thắng thua bằng tiền là vi phạm pháp luật, đánh bạc là một trong những tệ nạn xã hội nhức nhối, phức tạp, bị xã hội lên án nhưng vì mục đích háms lợi nên các bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi vi phạm pháp luật.

[4] Từ những nhận định trên, đủ căn cứ để kết luận các bị cáo Nông Văn P, Lâm Văn P1, Lý Văn T1, Hoàng Văn T3, Lý Văn H, Nông Văn Q, Vi Văn Đ1, Vi Văn Đ2, Trần Văn T7 phạm tội Đánh bạc theo quy định khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng số: 51/CT-VKSCL ngày 12 tháng 9 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn truy tố các bị cáo theo các tội danh và điều luật đã viện dẫn như trên là đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[5] Về vai trò đồng phạm: đây là vụ án đánh bạc có đồng phạm nhưng mang tính giản đơn. Bị cáo Nông Văn P là người nảy sinh ý định đánh bạc và rủ các bị cáo khác đánh bạc tại nhà của Lâm Văn P1, bị cáo Nông Văn P là người tích cực chuẩn bị công cụ, phương tiện để đánh bạc, là người cầm cái. Lâm Văn P1 tuy không khởi xướng nhưng cũng tích cực chuẩn bị công cụ, phương tiện, dùng nhà bếp của mình làm địa điểm đánh bạc và tích cực tham gia đánh bạc, tuy không chủ động thu tiền hồ nhưng khi Nông Văn P đưa Lâm Văn P1 đã nhận và sử dụng tiền đó để đánh bạc nên hai bị cáo này giữ vai trò cao nhất. Các bị cáo còn lại tham gia tích cực khác nhau không đáng kể, số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc từ 100.000 đồng đến 1.000.000 đồng do đó đánh giá có vai trò thấp hơn trong vụ án. Riêng bị cáo Trần Văn T7 không sử dụng tiền của bị cáo để đánh bạc, chỉ cầm tiền của bị cáo Lý Văn T1 để đánh hồ nên bị cáo có vai trò đồng phạm thấp nhất.

[6] Khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử có xem xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội; nhân thân; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định hình phạt đối với từng bị cáo.

[7] Về nhân thân: Các bị cáo Nông Văn P, Lâm Văn P1, Lý Văn T1, Lý Văn H, Vi Văn Đ2 là người có nhân thân tốt vì chưa có tiền án, tiền sự; các bị cáo Hoàng Văn T3, Nông Văn Q, Vi Văn Đ1, Trần Văn T7 đã từng bị xử phạt vi phạm hành chính (đã được xoá tiền sự), nên xác định là người có nhân thân không tốt.

[8] Về tình tiết tăng nặng: các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[9] Về tình tiết giảm nhẹ: các bị cáo Nông Văn P, Lâm Văn P1, Lý Văn T1, Hoàng Văn T3, Lý Văn H, Nông Văn Q, Vi Văn Đ1, Vi Văn Đ2, Trần Văn T7 đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ thái độ ăn năn hối cải nên các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Lâm Văn P1 có bố đẻ được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Ba; bị cáo Vi Văn Đ1 có bố đẻ được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Nhì; bị cáo Nông Văn Q có bố đẻ được Chủ tịch nước tặng thưởng Huy chương Chiến sĩ vẻ vang; bị cáo Lý Văn H có bố đẻ được Chủ tịch Ủy ban M3 tặng Huy chương vì sự nghiệp đại đoàn kết dân tộc nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo Lý Văn H quá trình công tác có nhiều thành tích được tặng 06 giấy khen nên được hưởng thêm 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Nông Văn P, Lâm Văn P1, Lý Văn T1, Hoàng Văn T3, Lý Văn H, Nông Văn Q, Trần Văn T7 là người dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[10] Xét thấy các bị cáo đã thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội nhưng thuộc loại tội phạm ít nghiêm trọng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, các bị cáo lần đầu phạm tội; có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng không có tiền án, tiền sự, nhân thân tốt, trước khi phạm tội chấp hành tốt chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước tại địa phương nơi cư trú. Trong số các bị cáo có bị cáo Hoàng Văn T3, Nông Văn Q, Vi Văn Đ1, Trần Văn T7 đã từng bị xử phạt hành chính tuy nhiên đã được xoá. Do vậy, các bị cáo Nông Văn P, Lâm Văn P1, Lý Văn T1, Hoàng Văn T3, Nông Văn Q, Vi Văn Đ1, Vi Văn Đ2 có đủ điều kiện cho hưởng án treo theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên việc cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội là không cần thiết mà quyết định cho các bị cáo được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách theo quy định.

[11] Đối với bị cáo Lý Văn H, có nhiều tình tiết giảm nhẹ (02 tình tiết theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và 03 tình tiết theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự). Xét vì mục đích vụ lợi mà phạm tội, bị cáo có nghề nghiệp, thu nhập ổn định cần áp dụng hình phạt Phạt tiền để nộp vào ngân sách Nhà nước, theo quy định tại khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Hình sự.

[12] Bị cáo Trần Văn T7: có vai trò thấp nhất chỉ cầm tiền đánh hộ, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng, đã thực sự ăn năn hối cải. Trước

khi phạm tội bị cáo chấp hành tốt chính sách pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân ở nơi cư trú, nên việc cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội là không cần thiết mà để cải tạo tại địa phương cũng đủ để bị cáo tu dưỡng, rèn luyện bản thân, sớm trở thành công dân tốt, sống có ích cho xã hội, biết tôn trọng và tuân thủ pháp luật. Áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo Trần Văn T7 là phù hợp. Do kinh tế phụ thuộc, bị cáo không có nguồn thu nhập ổn định nên không áp dụng khấu trừ thu nhập đối với bị cáo, theo quy định tại Điều 36 của Bộ luật Hình sự.

[13] Về hình phạt bổ sung: không áp dụng hình phạt bổ sung với các bị cáo Nông Văn P, Lý Văn T1, Hoàng Văn T3, Lý Văn H, Nông Văn Q, Vi Văn Đ2, Trần Văn T7 do là người dân tộc thiểu số sinh sống tại khu vực có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn không có thu nhập ổn định để đảm bảo cho việc thi hành án. Riêng đối với bị cáo Lâm Văn P1 và bị cáo Vi Văn Đ1 có điều kiện kinh tế hơn nên cần áp dụng hình phạt bổ sung.

[14] Về xử lý vật chứng: Đối với số tiền 5.860.000 đồng (năm triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng) là tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc nên cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước. Đối với 01 đĩa sù, 01 bát sù, 03 quân vị, 01 chiếu nhựa là công cụ phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu, tiêu hủy. Trả lại cho bị cáo Lý Văn H số tiền 905.000 đồng (chín trăm linh năm nghìn đồng) do không liên quan đến hành vi phạm tội.

[15] Những vấn đề khác:

[16] Thời điểm Lâm Văn P1 và các bị cáo đánh bạc tại bếp của gia đình Lâm Văn P1, các thành viên khác trong gia đình Lâm Văn P1 không ở nhà, không biết và không được hưởng lợi từ việc đánh bạc, do đó không có căn cứ xem xét, xử lý.

[17] Đối với Lâm Văn T8 và Hoàng Văn G có mặt ở nhà Lâm Văn P1 nhưng không tham gia đánh bạc; Lâm Văn Thế là người lấy hộ 01 (một) bát sù nhưng Lâm Văn T8 không biết việc lấy bát làm công cụ đánh bạc, bản thân Lâm Văn T8 không được hưởng lợi gì từ việc đánh bạc, do đó không có căn cứ xem xét, xử lý.

[18] Đối với việc Nông Văn P thu 300.000 đồng (tiền điện, rượu) của các đối tượng đánh bạc đưa cho Lâm Văn P1, Nông Văn P không được hưởng lợi gì từ việc thu tiền; Lâm Văn P1 nhận 300.000 đồng và sử dụng vào mục đích đánh bạc, tuy nhiên số lượng người tham gia đánh bạc và số tiền chưa đủ định lượng nên không xem xét, xử lý về hành vi gá bạc.

[19] Tại phiên tòa: Kiểm sát viên đề nghị mức hình phạt, vật chứng, án phí đối với từng bị cáo là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Tuy nhiên Kiểm sát viên đề nghị hình phạt tù giam đối với bị cáo Nông Văn P là không cần thiết, bị cáo có đủ điều kiện cho hưởng án treo. Đối với bị cáo Lý Văn H cho bị cáo hưởng án treo là chưa phù hợp vì bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ hơn so với các bị cáo khác, bị cáo có khả năng về kinh tế cần phạt tiền để nộp vào ngân sách đồng thời tạo điều kiện cho bị cáo tự cải tạo, tu dưỡng, tiếp tục tham gia công tác, đóng góp cho công tác đoàn thể tại địa phương.

[20] Về án phí: các bị cáo là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Các bị cáo Nông Văn P, Lâm Văn P1, Lý Văn T1, Hoàng Văn T3, Lý Văn H, Nông Văn Q, Trần Văn T7 có đơn yêu cầu được miễn án phí do thuộc trường hợp người dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, các bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm. Các bị cáo Vi Văn Đ1, Vi Văn Đ2, phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[21] Về quyền kháng cáo: các bị cáo được quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các khoản 1, 3 Điều 321; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các khoản 1, 3 Điều 17; các Điều 50, 58; các khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự, đối với bị cáo Lâm Văn P1, Vi Văn Đ1.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các khoản 1, 3 Điều 17; các Điều 50, 58; các khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự, đối với bị cáo Nông Văn Q; Nông Văn P, Lý Văn T1, Hoàng Văn T3.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các khoản 1, 3 Điều 17; các Điều 35, 50, 58 của Bộ luật Hình sự, đối với bị cáo Lý Văn H.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; các khoản 1, 3 Điều 17; các Điều 50, 58; các khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự, đối với bị cáo Vi Văn Đ2.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các khoản 1, 3 Điều 17; các Điều 36, 50, 58 của Bộ luật Hình sự, đối với bị cáo Trần Văn T7.

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 46; điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự. Căn cứ vào các khoản 1, 2, điểm a khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 130; khoản 2 Điều 136; các Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nông Văn P, Lâm Văn P1, Lý Văn T1, Hoàng Văn T3, Lý Văn H, Nông Văn Q, Vi Văn Đ1, Vi Văn Đ2, Trần Văn T7 phạm tội Đánh bạc.

2. Về hình phạt:

2.1. Xử phạt bị cáo Nông Văn P 01 (một) năm tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 30/9/2024.

2.2. Xử phạt bị cáo Lâm Văn P1 09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 30/9/2024

Phạt bổ sung 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

2.3. Xử phạt bị cáo Lý Văn T1 09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 30/9/2024

2.4. Xử phạt bị cáo Hoàng Văn T3 09 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 30/9/2024

2.5. Xử phạt bị cáo Lý Văn H phạt tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng), nộp vào ngân sách Nhà nước.

2.6. Xử phạt bị cáo Nông Văn Q 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 30/9/2024

2.7. Xử phạt bị cáo Vi Văn Đ1 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 30/9/2024

Phạt bổ sung 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

2.8. Xử phạt bị cáo Vi Văn Đ2 09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 30/9/2024

Giao các bị cáo, Nông Văn P, Lâm Văn P1, Lý Văn T1, Hoàng Văn T3, Nông Văn Q, cho Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Giao các bị cáo Vi Văn Đ1, Vi Văn Đ2, cho Ủy ban nhân dân xã Y, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Các bị cáo phải thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo vắng mặt tại nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

2.9. Xử phạt bị cáo Trần Văn T7 09 (chín) tháng Cải tạo không giam giữ, thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện C, tỉnh Lạng Sơn, nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

Giao bị cáo Trần Văn T7 cho Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, giám sát và giáo dục trong thời gian bị cáo chấp hành hình phạt.

Gia đình bị cáo bị xử phạt cải tạo không giam giữ có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo. Người bị kết án hình phạt cải tạo không giam giữ phải thực hiện những nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

3. Về vật chứng:

3.1. Tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước: số tiền 5.860.000 đồng (năm triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng).

3.2. Trả lại cho Lý Văn H số tiền 905.000 đồng (chín trăm linh năm nghìn đồng).

(Số tiền trên hiện đang tạm gửi tại tài khoản tạm gửi của Công an huyện C, tỉnh Lạng Sơn, số tài khoản: 8412203000017 mở tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện C, tỉnh Lạng Sơn theo Lệnh thanh toán (tiền mặt) lập ngày 19 tháng 6 năm 2024).

3.3. Tịch thu, tiêu hủy: 01 (một) bát sứ màu trắng; 01 (một) đĩa sứ màu trắng; 03 (ba) quân vị hình tròn một mặt màu vàng, một mặt màu trắng được niêm phong trong phong bì kí hiệu số 04; 01 (một) chiếu nhựa màu trắng, vàng, xanh kích thước 210cm x 158cm.

(Vật chứng lưu giữ tại kho Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, theo Biên bản giao nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng, giữa Công an huyện C và Chi cục Thi hành án dân sự huyện C ngày 13/9/2024).

4. Về án phí: các bị cáo Nông Văn P, Lâm Văn P1, Lý Văn T1, Hoàng Văn T3, Lý Văn H, Nông Văn Q, Trần Văn T7 được miễn án phí hình sự sơ thẩm. Các bị cáo Vi Văn Đ1, Vi Văn Đ2 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, mỗi bị cáo là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

5. Quyền kháng cáo: các bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện C, tỉnh Lạng Sơn;
- CQCSĐT Công an huyện C;
- CQTHAHS Công an huyện C;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện C;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- UBND xã Vân Thủy, huyện C;
- UBND xã Yên Trạch, huyện Cao Lộc;
- Các bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)**

Hoàng Thế Khuynh